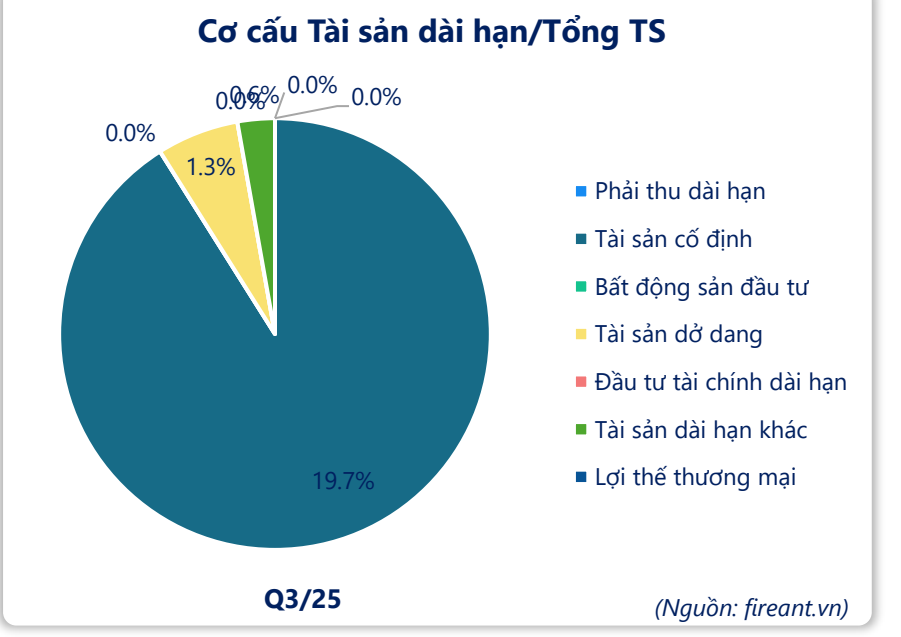
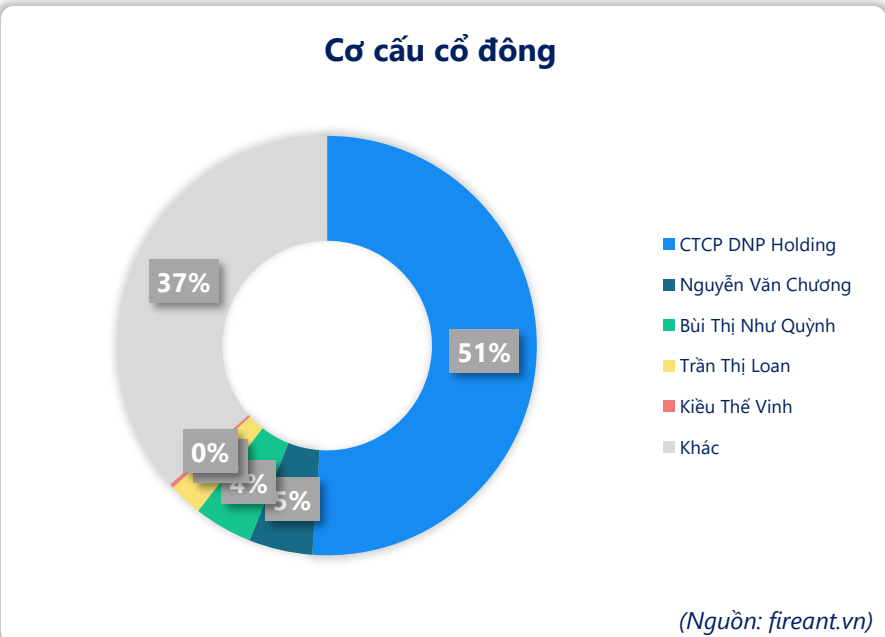
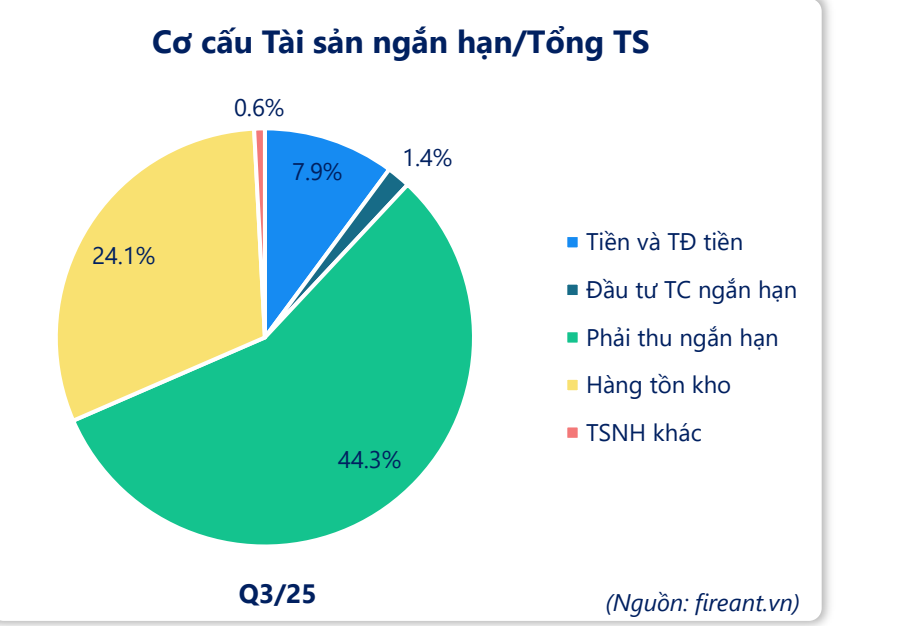
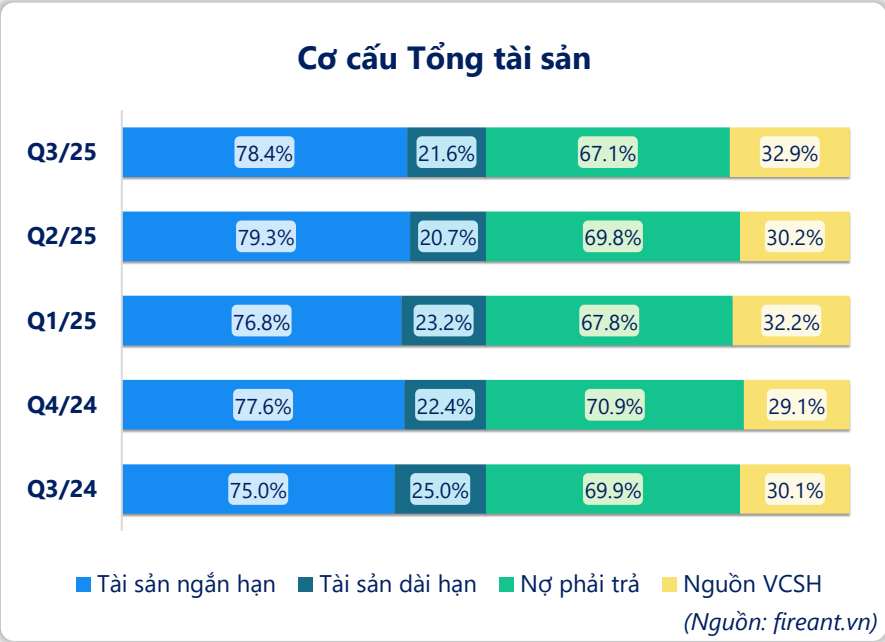
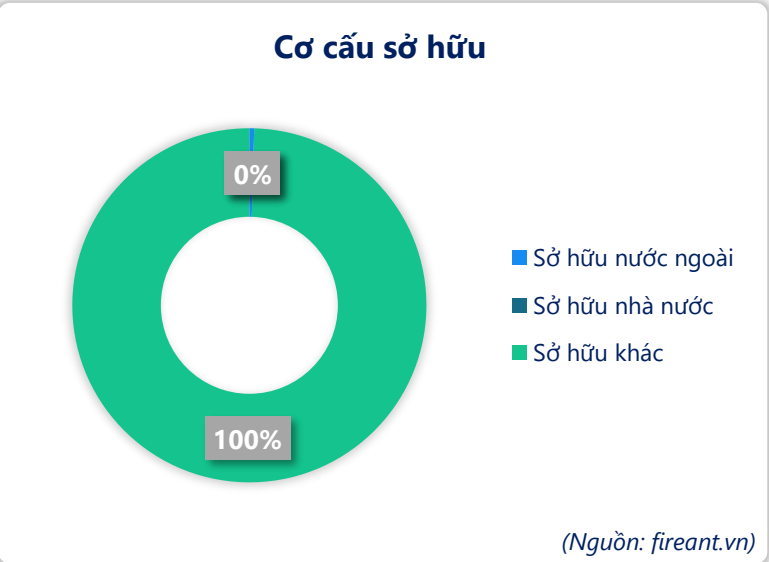
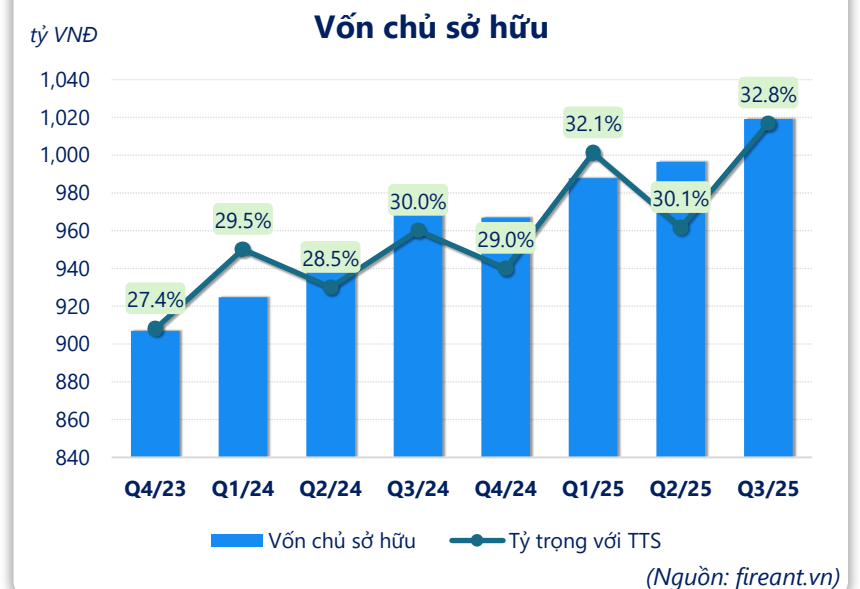
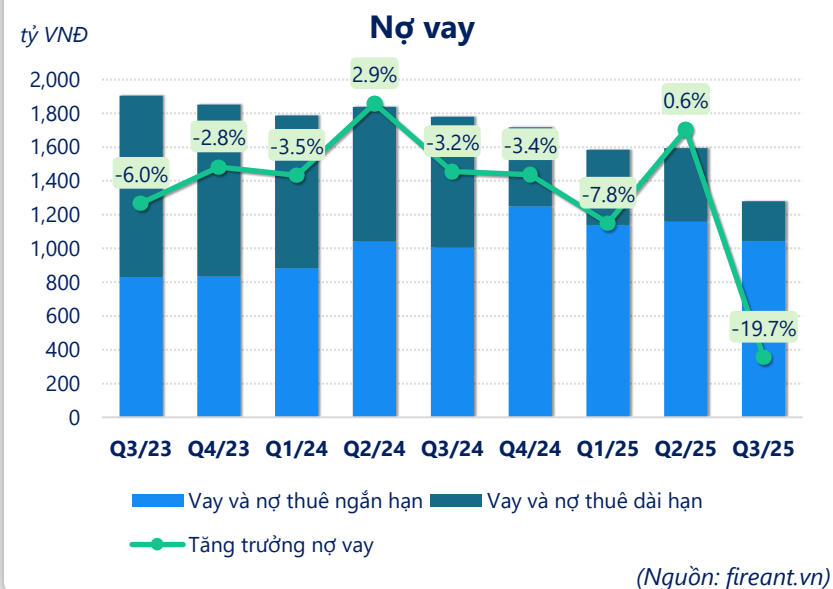
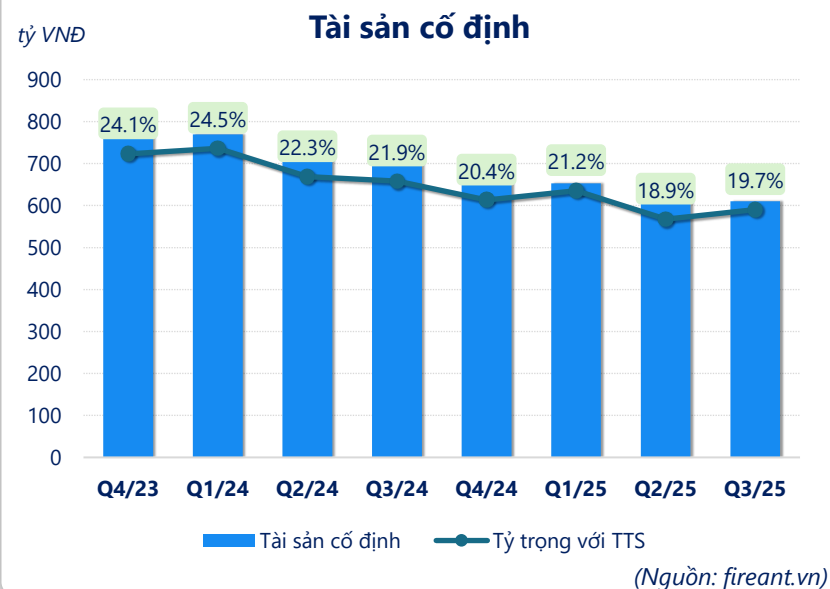
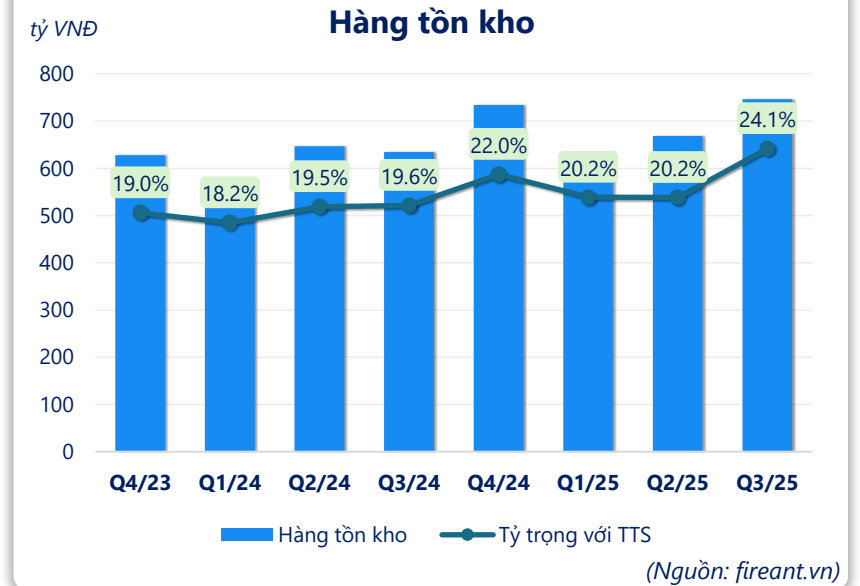
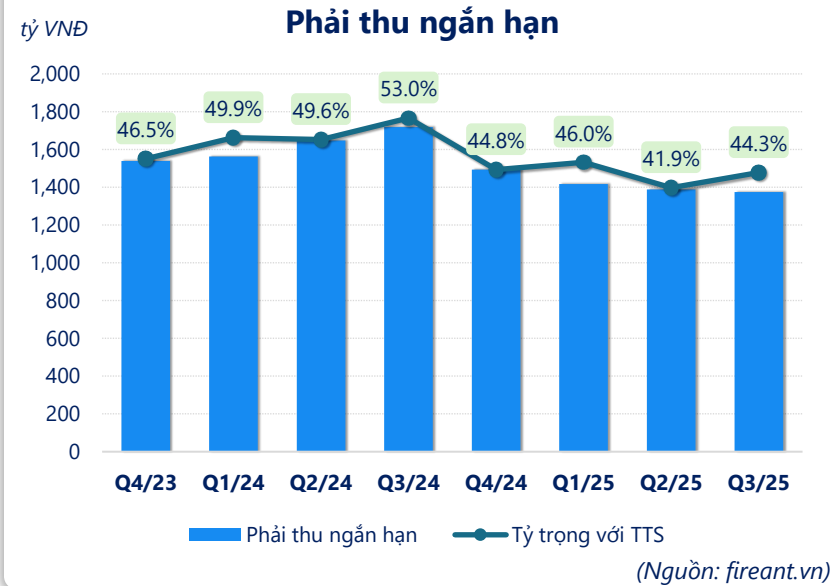
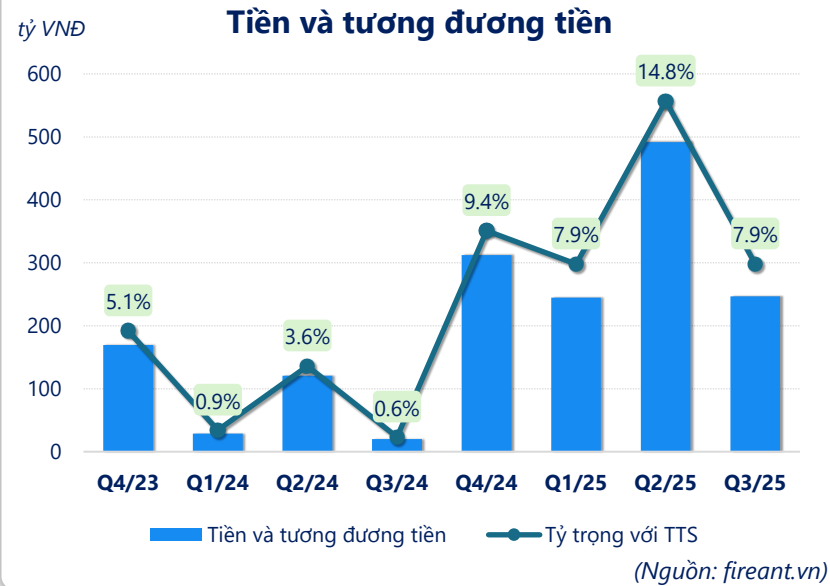
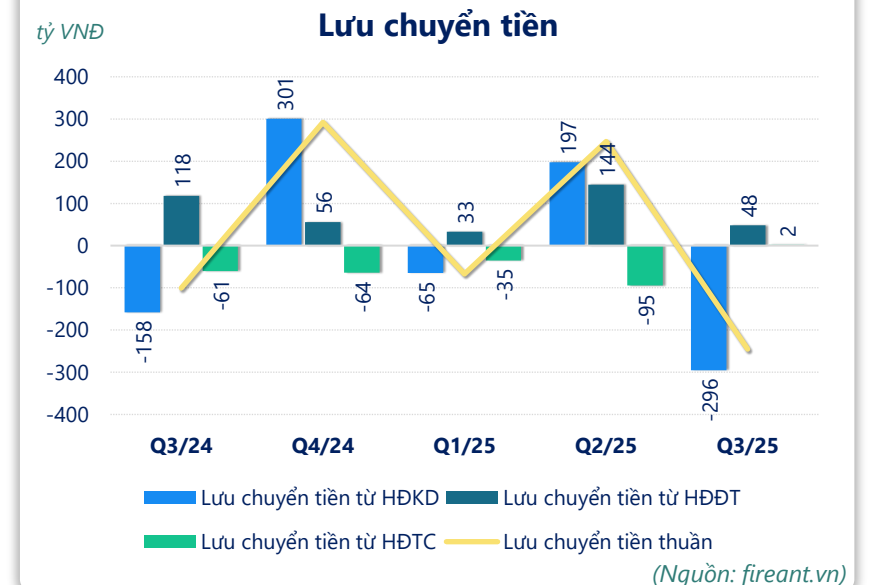
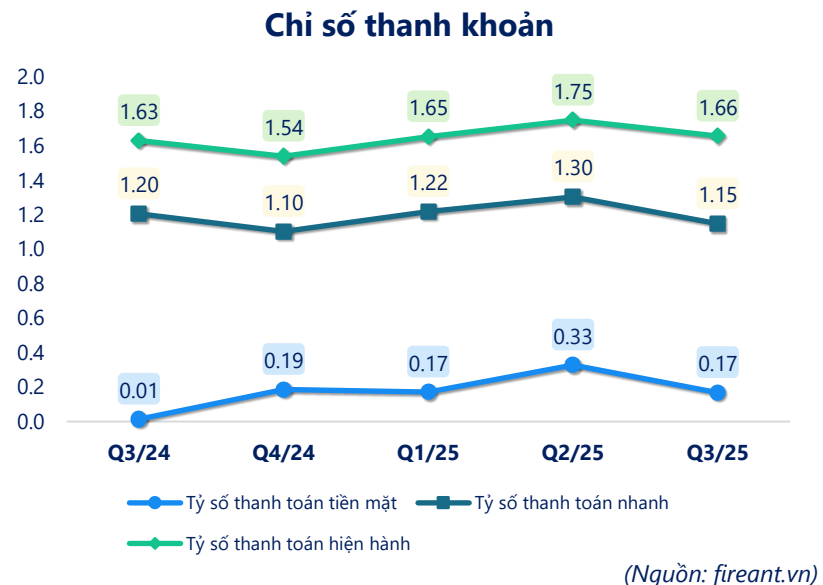
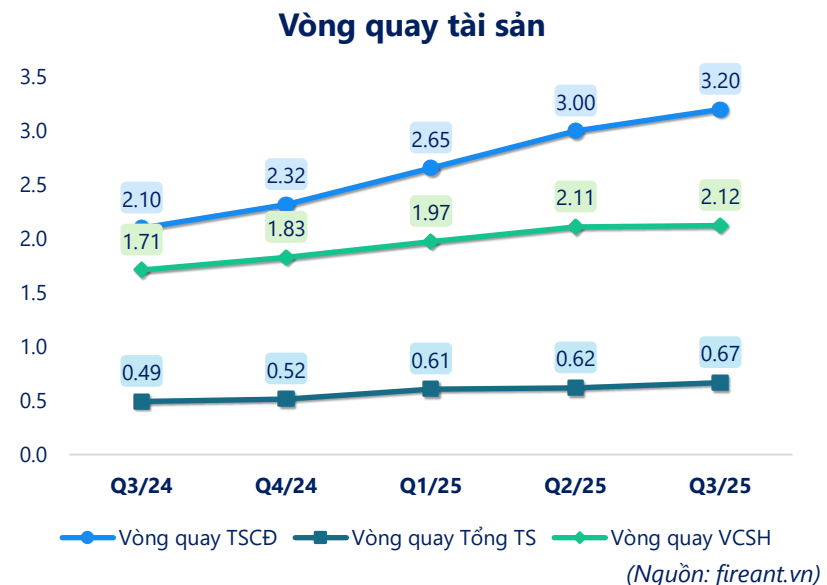
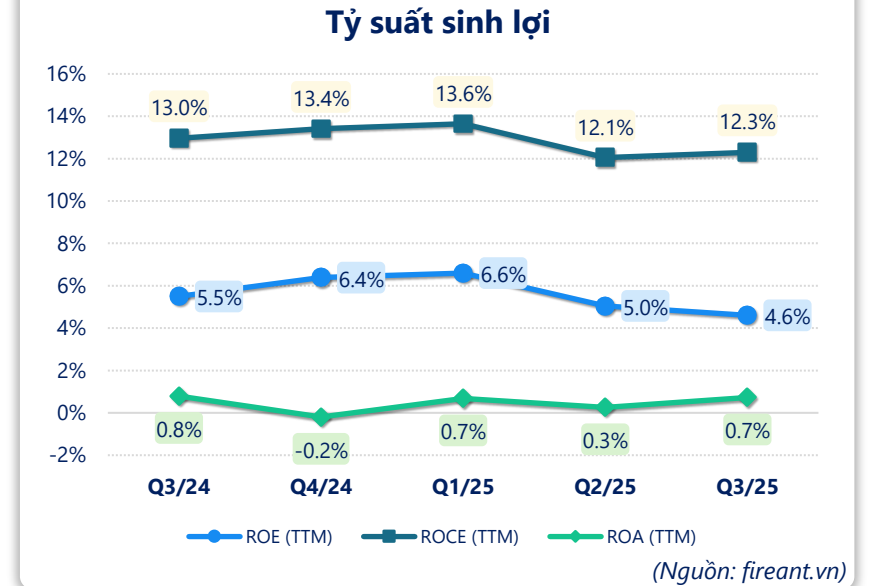
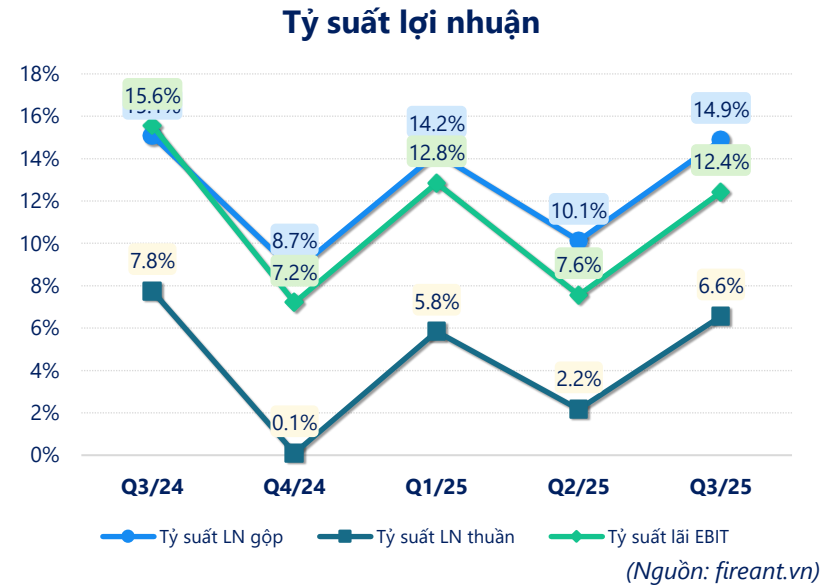
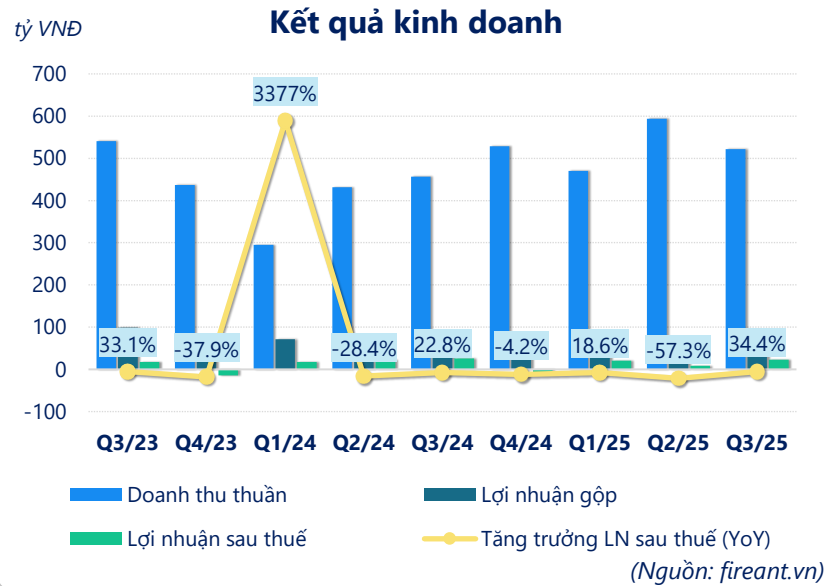


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		27,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		29,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,200
SL cổ phiếu LH		36,690,887
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,200
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,015
P/E		22.1
EPS		1,250

	YTD	1T	3T	6T
CVT	8.6%	-0.5%	-0.4%	-1.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,103	3,335	-7.0%
Tài sản ngắn hạn	2,433	2,589	-6.0%
Tiền và tương đương tiền	247	312	-21.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.3	44.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,375	1,493	-7.9%
Hàng tồn kho	747	734	1.7%
Tài sản ngắn hạn khác	20.1	5.36	275%
Tài sản dài hạn	670	746	-10.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	610	681	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	41.2	36.5	12.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	18.7	28.3	-33.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,081	2,364	-12.0%
Nợ ngắn hạn	1,469	1,682	-12.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,044	1,248	-16.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	214	243	-11.9%
Nợ dài hạn	611	682	-10.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	236	470	-49.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,022	971	5.3%
Vốn chủ sở hữu	1,019	967	5.4%
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	3.03	3.64	-16.7%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	456	529	470	593	521
Giá vốn hàng bán	388	483	403	533	444
Lợi nhuận gộp	68.9	45.9	67.0	60.1	77.6
Doanh thu HĐTC	41.1	31.4	26.9	26.6	26.0
Chi phí TC	40.5	39.9	35.4	36.7	33.4
Chi phí lãi vay	37.7	37.8	34.2	33.7	32.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	16.5	17.2	16.2	22.0	22.4
Chi phí QLDN	17.5	19.6	14.8	15.1	13.6
LN thuần từ HĐKD	35.4	0.53	27.5	12.9	34.2
Lợi nhuận khác	-2.10	-0.17	-1.22	-1.73	-1.59
LN trước thuế	33.3	0.36	26.2	11.2	32.6
Lợi nhuận sau thuế	26.0	-6.45	21.0	8.50	22.8
LNST của CĐ cty mẹ	26.0	-6.46	21.0	8.49	22.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-158	301	-65.2	197	-296
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	118	55.6	33.3	144	48.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.6	-64.2	-35.3	-94.7	2.02
Tiền đầu kỳ	121	20.0	312	245	492
Lưu chuyển tiền thuần	-101	292	-67.2	247	-245
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	-0.05	0
Tiền cuối kỳ	20.0	312	245	492	247

(Nguồn: fireant.vn)